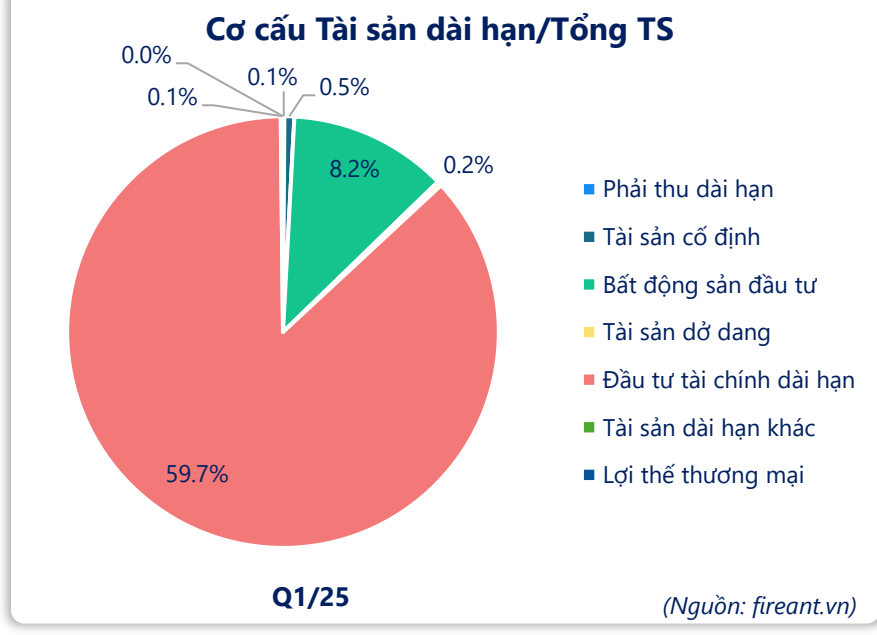
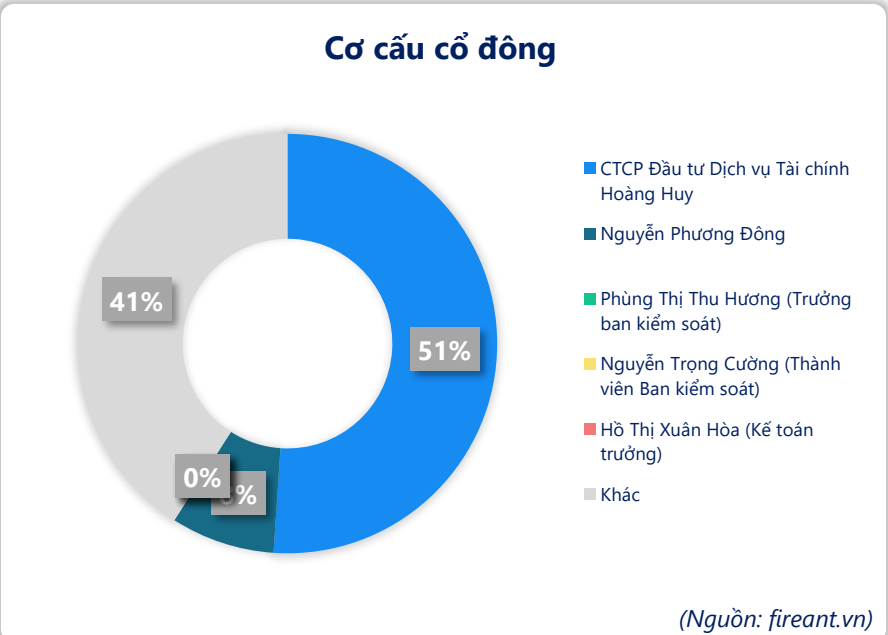
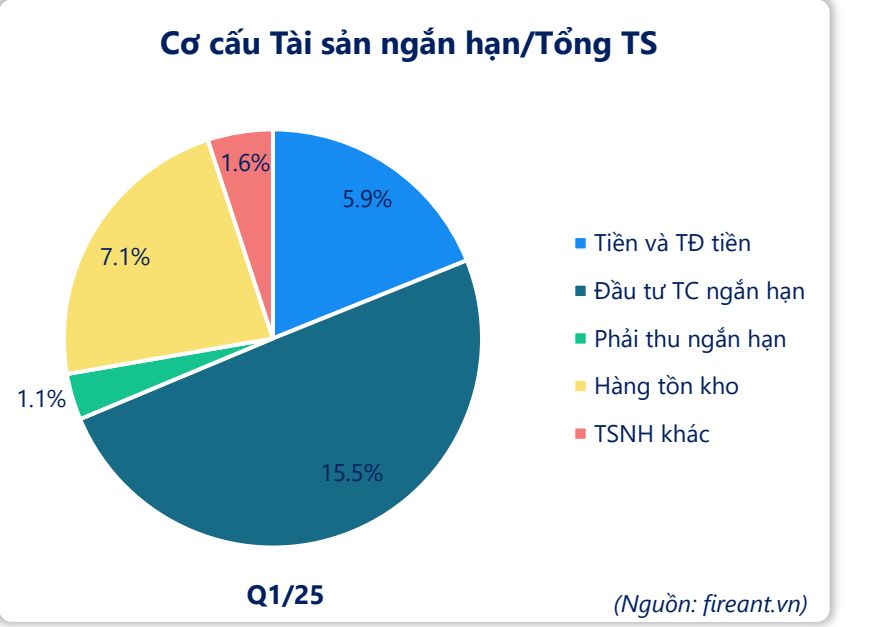
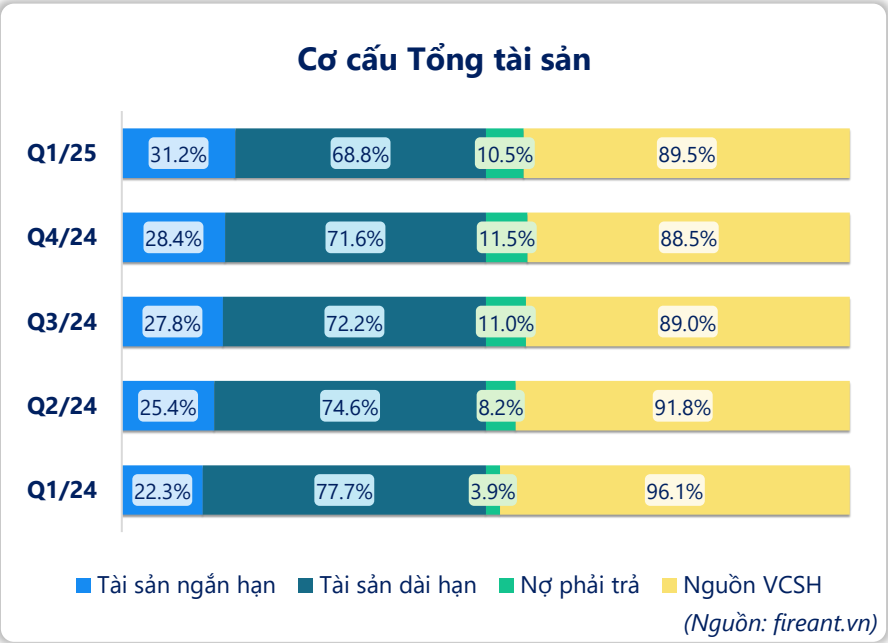
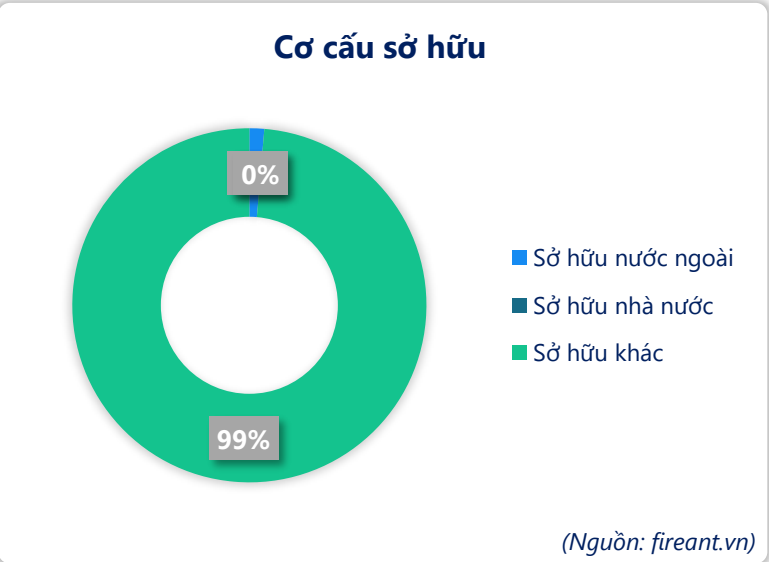
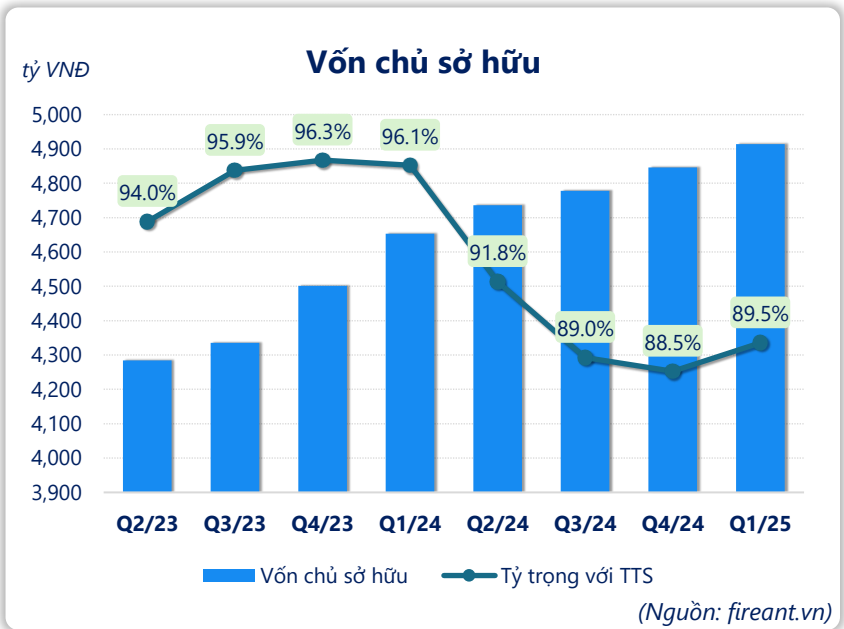
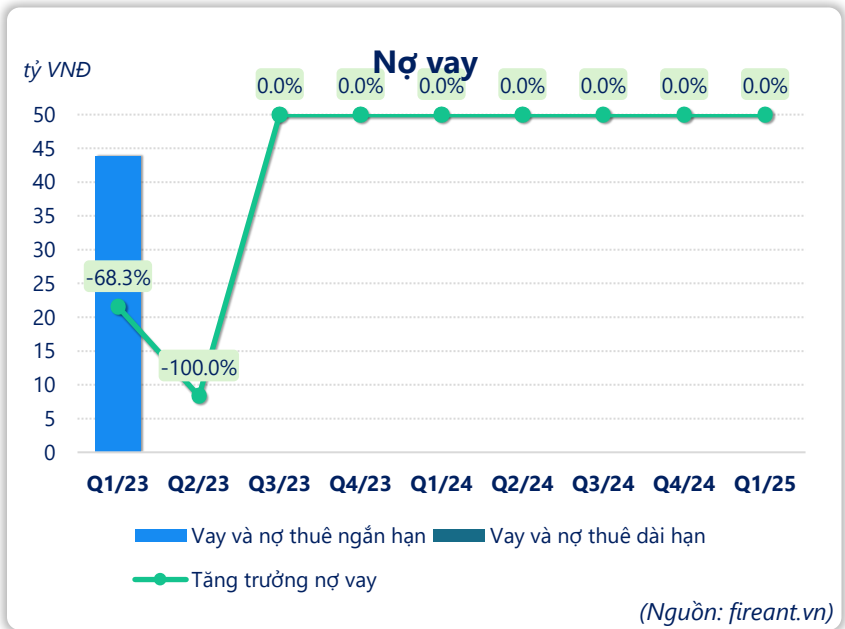
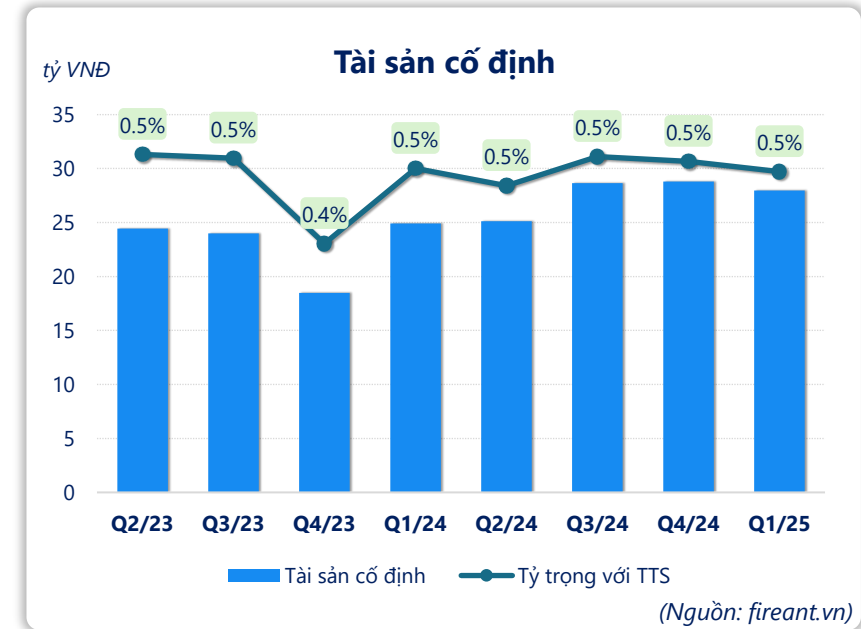
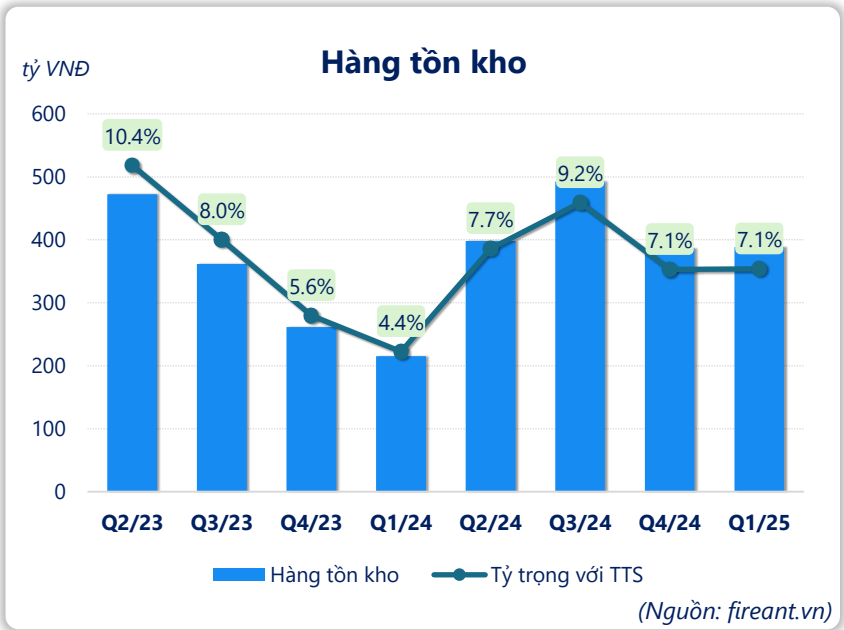
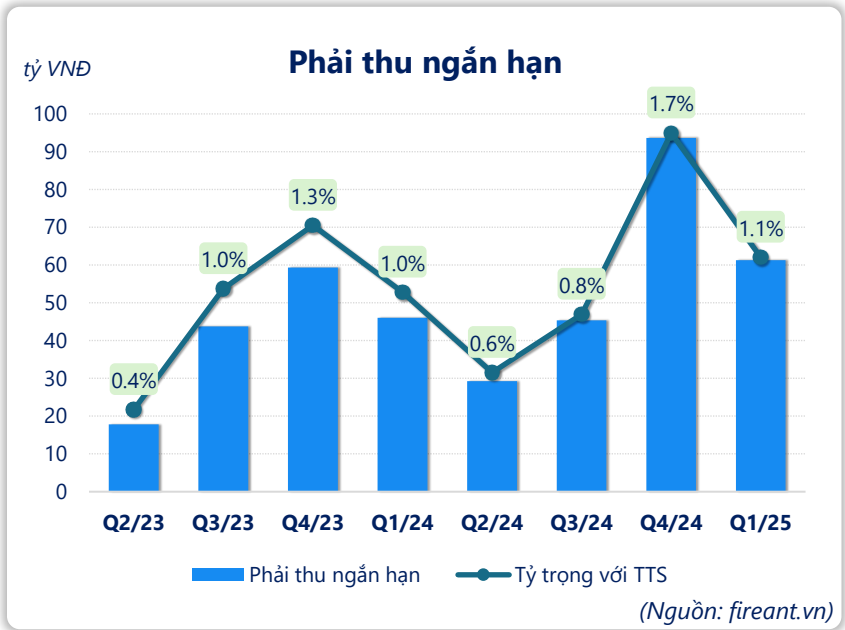
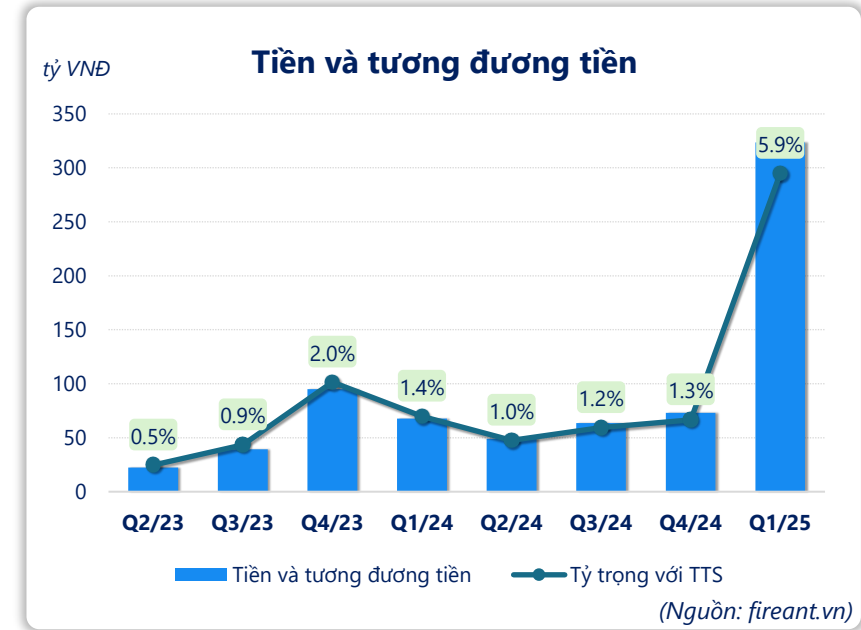
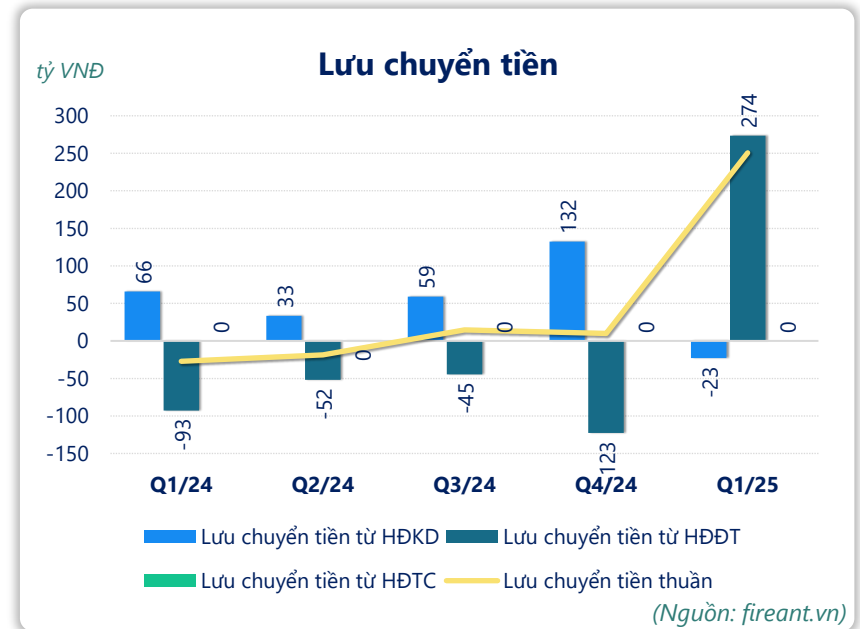
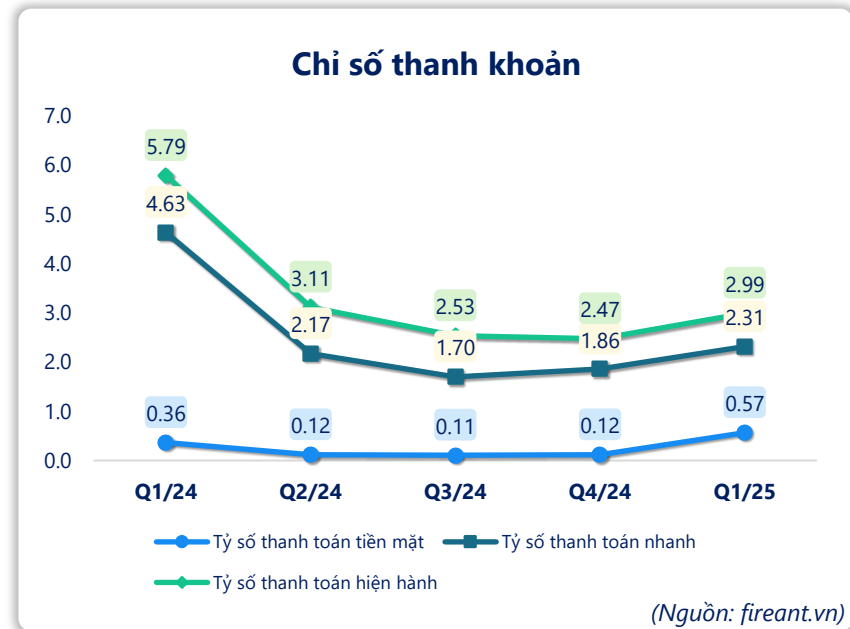
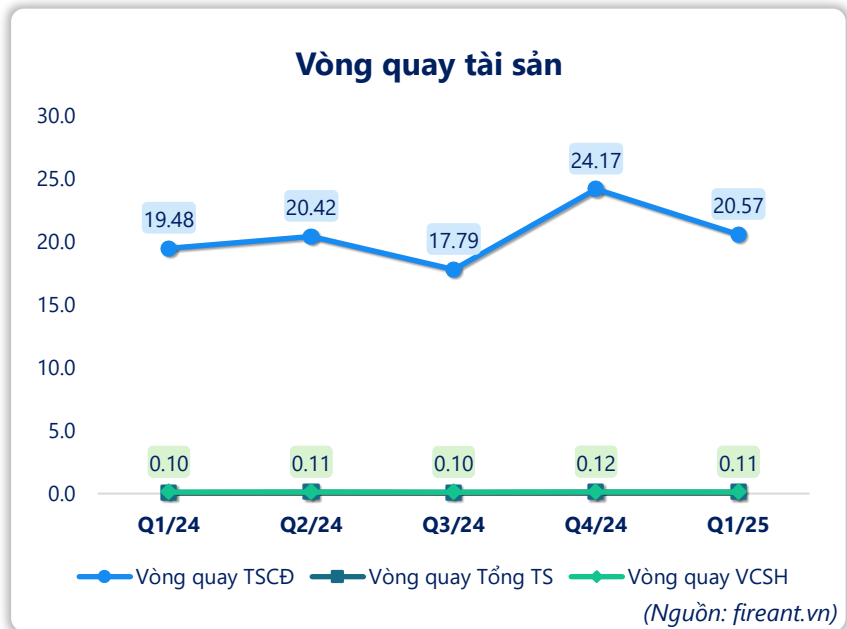
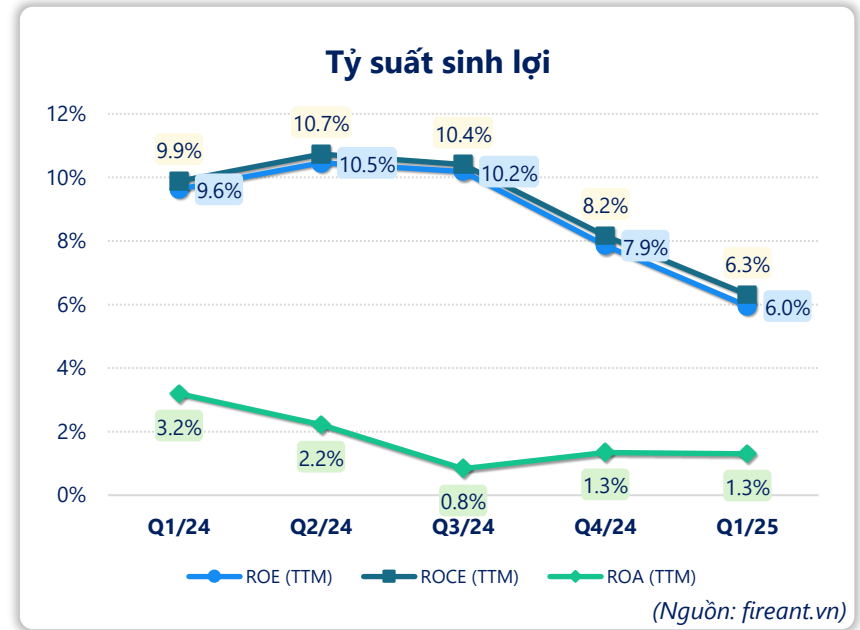
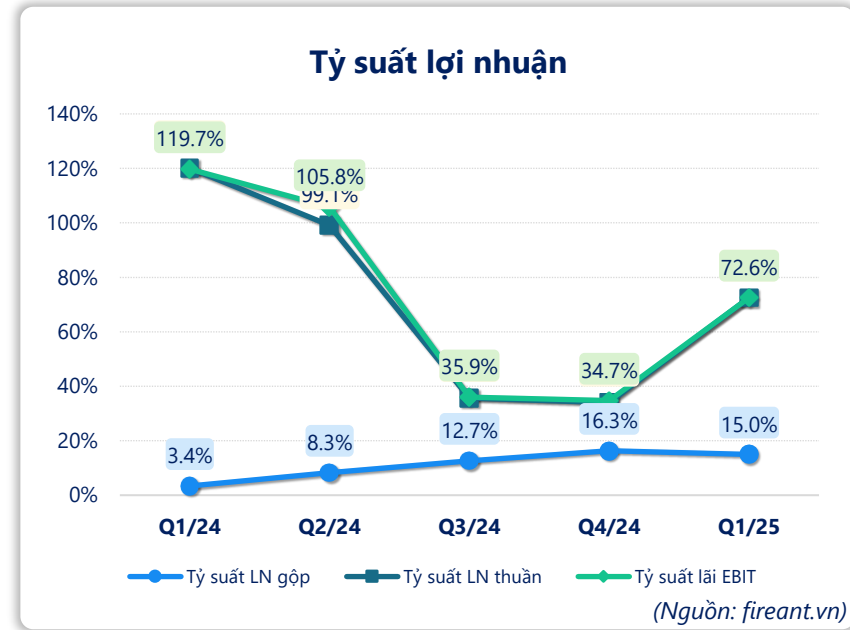
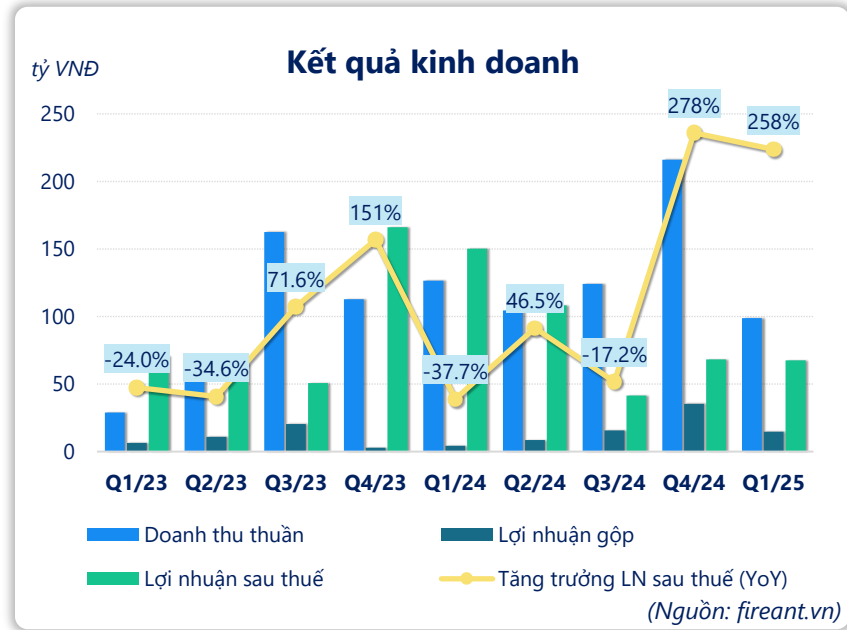


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,698
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,940
SL cổ phiếu LH		347,160,713
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,380,755
% sở hữu nước ngoài		1.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,645
P/E		12.8
EPS		820

	YTD	1T	3T	6T
HHS	41.5%	27.1%	38.5%	21.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,488	5,477	0.2%
Tài sản ngắn hạn	1,712	1,555	10.1%
Tiền và tương đương tiền	324	73.0	343%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	852	914	-6.8%
Phải thu ngắn hạn	61.3	93.6	-34.5%
Hàng tồn kho	388	386	0.5%
Tài sản ngắn hạn khác	86.3	87.9	-1.8%
Tài sản dài hạn	3,776	3,922	-3.7%
Phải thu dài hạn	3.89	0.12	3141%
Tài sản cố định	28.0	28.8	-2.9%
Bất động sản đầu tư	450	454	-0.9%
Tài sản dở dang	13.1	12.5	4.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,276	3,421	-4.2%
Tài sản dài hạn khác	6.28	6.27	0.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	574	630	-8.9%
Nợ ngắn hạn	572	629	-9.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	452	497	-9.1%
Nợ dài hạn	1.51	1.56	-3.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,914	4,846	1.4%
Vốn chủ sở hữu	4,914	4,846	1.4%
Vốn điều lệ	3,680	3,680	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	127	104	124	216	98.9
Giá vốn hàng bán	122	95.8	108	181	84.1
Lợi nhuận gộp	4.29	8.65	15.7	35.3	14.8
Doanh thu HĐTC	37.7	8.75	9.67	12.3	210
Chi phí TC	0	4.74	0	4.38	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	119	101	28.1	44.4	-145
Chi phí bán hàng	6.48	6.86	6.42	12.0	5.04
Chi phí QLDN	2.23	2.80	2.74	2.15	2.75
LN thuần từ HĐKD	152	104	44.4	73.4	71.8
Lợi nhuận khác	-0.49	6.96	0.30	1.63	-0.01
LN trước thuế	151	110	44.7	75.1	71.8
Lợi nhuận sau thuế	150	108	41.5	68.4	67.5
LNST của CĐ cty mẹ	150	108	41.4	68.3	67.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.6	33.5	59.0	132	-23.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-92.8	-52.0	-44.5	-123	274
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.01	0	0	0
Tiền đầu kỳ	94.9	67.7	49.2	63.7	73.0
Lưu chuyển tiền thuần	-27.2	-18.5	14.5	9.94	251
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.02	0.00	-0.63	0
Tiền cuối kỳ	67.7	49.2	63.7	73.0	324

(Nguồn: fireant.vn)